

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03/12/2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chi.

Ông Nguyễn Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

- Bị đơn: Ông Võ Tấn T, sinh năm: 1966 Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Tấn T tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1990. Cuộc sống chung giữa bà và ông T không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện nay bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có bốn con chung là cháu Võ Tấn T, sinh năm 1990, cháu Võ Thị H, sinh năm 1991, hai cháu đã trưởng thành, cháu Võ Thị H, sinh năm 1994, bị bệnh chết cách đây 7 ngày, bà không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản, nợ chung khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Võ Tấn T trình bày: Ông thống nhất lời khai của bà M về quan hệ hôn nhân với bà M, về con chung. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn quá trầm trọng, do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, bà M cờ bạc, ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình, ông đồng ý ly hôn. Về con chung có 4 người con, 3 con đã đủ trên 18 tuổi, 1 con Võ Thị Thúy H sinh năm 2010, ông yêu cầu được nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Tấn T. Về con chung, giao cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Bà M, ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên xét xử vắng mặt ông T theo điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Tấn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 1990. Việc kết hôn giữa bà M và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cuộc sống chung giữa bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Bà M cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và ông T đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà M

Xét thấy, hiện nay bà M, ông T tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được bà M xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn với bà M nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông T

[3] Về con chung: Bà M và ông T có bốn con chung là cháu Võ Tấn T, sinh năm 1990, cháu Võ Thị H, sinh năm 1991, cháu Võ Thị H, sinh năm 1994. Hiện nay cháu T, H đã trưởng thành, cháu H đã chết bà không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà M là hoàn toàn chính đáng. Hiện nay cháu H đã 10 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà M đồng thời cháu H là con gái, cháu đã quen môi trường sinh hoạt, học tập. Vì vậy, việc giao cháu H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, tâm sinh lý và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Bà M cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010 đối với ông Võ Tấn T. Như phân tích trên việc giao cháu H cho ông T nuôi không đúng theo nguyện vọng của cháu, không phù hợp với thực tế khách quan nên không chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Võ Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Tấn T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung là cháu Võ Thị Thúy H sinh ngày 27/3/2010 đối với ông Võ Tấn T.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004711 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Bà M đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Võ Tấn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Minh Hùng

